TÒA ÁN NHÂN DÂN H. PHÚ LỘC **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2022/QĐ-CNHGT	*Phú Lộc, ngày 08 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận kết quả hòa giải lập tại Tòa án ngày 23 tháng 5 năm 2022, các bên đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Chế Thị T, sinh ngày 19/02/1998. Địa chỉ: Thôn V, xã T, thị xã H, tỉnh T.

- Anh Nguyễn T, sinh ngày 20/01/1994. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T.

Sau khi nghiên cứu biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án, cùng các tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

XÉT THẤY

Kết quả hòa giải thành có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Đã hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và các tài liệu kèm theo, các bên không có ý kiến nào khác về nội dung đã thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa: Chị Chế Thị T và anh Nguyễn T.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chế Thị T và anh Nguyễn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về việc nuôi con chung: Chị Chế Thị T và anh Nguyễn T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 07/7/2017 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/9/2021 cho anh Nguyễn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Chế Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Chế Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu, tổng cộng 2.000.000 đồng/02 cháu/mỗi tháng cho đến khi từng người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tải khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chế Thị T và anh Nguyễn T không yêu cầu giải quyết.

3. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

5. Các bên tham gia hòa giải có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các bên hòa giải;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Phan Sang